TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DSPT
Ngày: 02-6-2023
V/ v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỷ
Bà Nguyễn Minh Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 5 năm 2023 và ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1955. Có mặt.
Bà **Đặng Thị K**, sinh năm 1958. Có mặt.
Cùng nơi cư trú: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt ngày 30/5/2023, vắng mặt ngày 02/6/2023.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Bùi Xuân T1,** sinh năm 1978.

HKTT: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Mạnh T2, sinh năm 1975- Luật sư thuộc Văn phòng L1.

Địa chỉ: P, tòa nhà H, đường L, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Thu H (vợ ông Bùi Xuân T1), sinh năm 1979.

HKTT: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T3 và ông Đặng Đại H1. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Trần Thị H2 (vợ ông Hà Minh L). Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K trình bày: Tháng 11năm 2005 gia đình ông bà có nhận chuyển nhượng thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 324,3 m^2, vợ chồng ông bà đã được cấp Giấy CNQSD đất cấp năm 2008, loại đất thổ cư ONT. Khi mua đất chủ cũ chuyển nhượng đất cho ông bà có chỉ mốc giới phía sau là có hào rãnh. Gia đình ông bà đã sử dụng ổn định từ năm 2005 đến khoảng đầu năm 2020 thì nhà ông Bùi Xuân T1 sử dụng thửa đất số 1213 tờ bản đồ số 7 xã H liền kề đã san lấp đất xây dựng hàng rào và công trình kiến trúc vào thửa đất số 854 của gia đình ông bà đang sử dụng khoảng 20 m^2 đến 30 m^2, mất mốc hào rãnh phía sau đất nhà ông bà. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là gia đình ông Bùi Xuân T1 phải tháo dỡ công trình kiến trúc, trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất nhà ông T1 đã lấn chiếm khoảng 20 m^2 đến 30 m^2 tại thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất số 854 nhà ông bà và thửa đất 1213 nhà ông T1 theo ranh giới hồ sơ, trích lục thửa đất mà ông bà đã nhận chuyển nhượng.

Bị đơn ông Bùi Xuân T1 trình bày: Gia đình ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Tiến T4 thửa đất số 580 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên, diện tích 3980,9 m^2 từ năm 2019. Sau đó ông tách ra thành nhiều thửa trong đó có 1213 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ, diện tích 1494,8 m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019. Gia đình ông khi nhận chuyển nhượng đã được chủ đất cũ chỉ mốc giới rõ ràng và gia đình ông đã sử dụng đúng ranh giới đã nhận chuyển nhượng, đã được chủ đất cũ chỉ. Gia đình ông không lấn chiếm đất nhà ông V tại thửa 854. Nay nhà ông V khởi kiện, vợ chồng ông không nhất trí với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H (vợ ông T1) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến, quan điểm của ông T1 chồng bà, không nhất trí với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K. Gia đình bà không lấn chiếm đất nhà ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T3 và ông Đặng Đại H1 trình bày: Gia đình ông bà sử dụng thửa đất số 625 tờ bản đồ số 7 xã H liền kề với thửa đất số

854 tờ bản đồ số 7 xã H nhà ông Nguyễn Văn V từ năm 1998, đến nay không có sự lấn chiếm đất của nhau và không có tranh chấp gì. Thửa đất số 1213 tờ bản đồ số 7 xã H nhà anh T1 do bà T3 chuyển nhượng cho từ năm 2019 (tách từ thửa đất số 580). Nay anh T1 đã xây tường rào và các công trình kiến trúc khác đúng mốc giới đất bà đã chuyển nhượng, anh T1 không xây lấn chiếm đất sang thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H nhà ông V.

Người làm chứng bà Trần Thị H2 trình bày: Gia đình bà sử dụng thửa đất số 624 tờ bản đồ số 7 xã H liền kề với thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H nhà ông Nguyễn Văn V từ khoảng năm 1990, đến nay không có sự lấn chiếm đất của nhau và không có tranh chấp gì. Gia đình bà chỉ ký xác nhận và xác định được mốc, ranh giới giữa thửa đất 624 nhà bà với thửa đất số 854 nhà ông V. Còn mốc, ranh giới đất nhà ông V với các hộ liền kề khác thì gia đình bà không biết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/12/2021 ông Nguyễn Văn V có ý kiến cho rằng: Đất của ông bị ông T1 xây dựng lấn chiếm vào một phần cuối của thửa đất 854, phần lấn chiếm đã bị ôngTrung xây bờ rào, sân vườn và bể cá nên không xác định được ranh giới, ông yêu cầu giải quyết đo theo bản đồ địa chính của năm 2008 và được chỉnh lý năm 2013. Tại bản trích do hiện trạng sử dụng đất đối với thửa 854 của gia đình ông V đang sử dụng là 345,2m^2 (giấy chứng nhận QSD đất ông V được cấp là 324,3 m^2). Thửa đất của gia đình ông T1 là thửa 1213 gia đình ông T1 đang sử dụng là 1308,5m^2 (giấy chứng nhận QSD đất ông T1 được cấp là 1494.8m^2). Ông V cho rằng, căn cứ bản trích đo hiện trạng thì gia đình ông T1 đang xây công trình lấn sang thửa đất 854 của gia đình nhà ông là 30,7m^2 .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K về việc buộc gia đình ông Bùi Xuân T1 phải tháo dỡ công trình kiến trúc, trả lại cho gia đình ông bà khoảng 20 m^2 đến 30 m^2 diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về ranh giới đất giữa thửa đất số 854 nhà ông Nguyễn Văn V và thửa đất số 1213 nhà ông Bùi Xuân T1 cùng tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ được xác định theo hiện trạng sử dụng đất của hai hộ.

[3]. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn V phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản là 8.200.000 đồng. Ông Nguyễn Văn V đã chi phí xong.

[4]. Án phí: Trả lại cho ông Nguyễn Văn V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0005207 ngày 10/11/2021.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xác định lại mốc giới do gia đình

ông T1 san gạt làm mất mà bản án sơ thẩm chưa đề cập tới, xuống thực địa, tại chỗ để xác định lại mốc giới thửa đất 854 của gia đình ông theo trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc.

Tại cấp phúc thẩm, do ông Nguyễn Văn V có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023 Toà án đã yêu cầu ông V xác định vị trí đất tranh chấp với gia đình ông Bùi Xuân T1 và xác định ranh giới giữa hai thửa đất 854 và thửa 1213. Ông T1 xác định phần giáp ranh thửa đất của ông V là thửa đất của ông Đ, đất của ông Đ giáp đất của ông T1 (bị đơn). Ông T1 xác định đất của ông T1 chỉ giáp đất của ông Đ, không giáp đất của ông V. Ông V cho rằng thửa đất của ông V có trích lục bản đồ đề nghị đo theo hồ sơ cấp đất của ông V và không nhất trí để công ty TNHH H4 tiến hành đo mà đề nghị Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc bằng vệ tinh, đơn vị đo do ông V mời. Tuy nhiên, ông V không cung cấp cho Toà án đơn vị đo đất và không có đơn đề nghị Toà án tiến hành mời cơ quan nào đo đất.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của ông V đề nghị hoãn phiên toà để xem xét thẩm định lại đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo uỷ quyền của ông V bổ sung kháng cáo cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng, không đưa UBND huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T là cơ quan cấp đất, chưa đưa ông Vũ Đình Đ1 là chủ có đất giáp ranh với ông Đ1 vào tham gia tố tụng, án sơ thẩm chưa đánh giá việc cấp đất của ông T1 được cấp là bao nhiêu, hồ sơ cấp đất của ông T1 không có góc nhọn, ông T1 đã xây dựng công trình lấn chiếm đất của ông V. Đề nghị Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ông V và người đại diện theo uỷ quyền của ông V trình bày các căn cứ kháng cáo và cho rằng: Ông V khởi kiện gia đình ông Bùi Xuân T1 phải trả lại cho gia đình ông $20m^2$ đến $30m^2$, theo bản trích đo hiện trạng là $30,7m^2$. Về nguồn gốc thửa đất 854 do ông V nhận chuyển nhượng của ông V1 năm 2005, khi đó thửa đất này của ông V1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, có vẽ sơ đồ, diện tích không ghi cụ thể. Năm 2008 ông V được cấp giấy chứng nhận QSD đất, hồ sơ cấp đất của ông V có vẽ trích lục thửa đất 854, diện tích được cấp $324,3m^2$. Ủy ban nhân dân huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T đã có văn bản trả lời xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các đương sự theo hồ sơ cấp đất nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan là vi phạm tố tụng. Phần giáp ranh đất của ông V giáp đất của ông Vũ Đình Đ1 nhưng không triệu tập ông Vũ Đình Đ1 tham gia tố tụng là vi phạm. Việc đánh giá chứng cứ của án sơ thẩm là vi phạm, án sơ thẩm đã nhận định thực tế đất của ông V đang sử dụng thừa so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng chưa xác định hiện trạng đất của ông T1 đang sử dụng là bao nhiêu, chưa xác định ông T1 được cấp bao nhiêu mét vuông đất, không có trích lục thửa đất của ông T1, hồ sơ cấp đất của ông T1 không có

góc nhọn, đề nghị xem xét lại giấy chứng nhận QSD đất của ông Trung cấp năm 2019. Tại cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, vi phạm đánh giá chứng cứ, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm. Nếu trường hợp cấp phúc thẩm khắc phục được vi phạm của cấp sơ thẩm thì đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Xuân T1 trình bày quan điểm bảo vệ: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bởi lẽ: Tại cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định, đo hiện trạng cả hai thửa đất của ông V và đất của ông T1. Theo bản trích đo hiện trạng thì ông V đang sử dụng thừa so với diện tích đất được cấp, gia đình ông T1 đang sử dụng thiếu hụt so với giấy chứng nhận QSD đất của ông T1 được cấp là 176,7m^2. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông T1 lấn chiếm đất là không đúng. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh kết quả đo của cấp sơ thẩm là không chính xác. Khi cấp phúc thẩm tiến hành đo lại đất thì nguyên đơn không chỉ ra được diện tích đất tranh chấp nên không tiến hành đo lại đất được. Như vậy, trách nhiệm chứng minh thuộc về nguyên đơn. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn thừa nhận nếu diện tích đất đo lại mà thừa thì nguyên đơn không nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy diện tích đất của ông V đang thừa so với giấy chứng nhận QSD đất được cấp là có căn cứ. Tại phiên toà ông V xác định vị trí đất của ông T1 ở trên đồi cao hơn đất của ông V. Yêu cầu kháng cáo của ông V không có căn cứ. Trong hồ sơ UBND huyện Đ đã có văn bản trả lời ranh giới sử dụng đất của hai hộ là theo hồ sơ cấp đất, có sơ đồ. Đề nghị của Nguyên đơn đưa UBND huyện Đ vào tham gia tố tụng là không có căn cứ vì đây không phải là vụ án hành chính, đương sự phải có trách nhiệm chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà ông V và người đại diện theo uỷ quyền của ông V đề nghị hoãn phiên toà để xem xét thẩm định lại. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên toà phúc

thẩm ngày 06/02/2023 ông V đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để tiến hành xem xét thẩm định lại phần đất có tranh chấp. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xem xét thẩm định lại, tuy nhiên tại buổi xem xét thẩm định lại ngày 03/3/2023 ông V không xác định được vị trí đất tranh chấp mà xác định thửa đất của ông V có trích lục bản đồ đề nghị đo theo hồ sơ cấp đất của ông V và không nhất trí để công ty TNHH H4 tiến hành đo vẽ, ông V đề nghị Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc bằng vệ tinh, đơn vị đo do ông V mời. Tuy nhiên, ông V không cung cấp cho Toà án đơn vị đo đất và không có đơn đề nghị Toà án tiến hành mời cơ quan nào đo đất. Do vậy, tại phiên toà hôm nay ông V đề nghị hoãn phiên toà để xem xét thẩm định lại, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất 854 của ông V là do nhận chuyển nhượng của ông V1 năm 2005, khi đó thửa đất này ông V1 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, có vẽ sơ đồ, diện tích không ghi cụ thể. Năm 2008 ông V được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Về hồ sơ cấp đất của ông V do UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cung cấp trong đó có đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất do ông Nguyễn Văn V ký ngày 06/7/2007, có trích lục, trích đo thửa đất xin cấp giấy chứng nhận QSD đất, có xác nhận của UBND xã H, huyện Đ, diện tích 324,3m^2 (bút lục 79) và trích lục bản đồ địa chính (bút lục 75).

Tại công văn số 992/UBND-TNMT ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ phúc đáp Công văn số 06/TA-DS ngày 06/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ trả lời như sau: Về trình tự, thủ tục cấp đất cho ông Nguyễn Văn V đối với thửa đất số 854 tờ diện tích 324, 3m^2 tờ bản đồ số 7 xã H được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật đất đai có hiệu lực tại thời điểm cấp GCNQSD đất. Ranh giới giữa thửa đất 854 thuộc tờ bản đồ địa chính số 7 xã Hoá thượng của nhà ông V và thửa đất 1213 thuộc tờ bản đồ địa chính số 7 xã Hoá thượng của gia đình ông Bùi Xuân T1 được xác định theo kết quả cấp giấy chứng nhận QSD đất của các thửa đất trên.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất 1213 tờ bản đồ số 7 của ông T1 là do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T3 (thửa đất số 580). Ngày 09/6/2019 ông Bùi Xuân T1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 1494,8m^2. Về hồ sơ cấp đất của ông T1 có hợp đồng chuyển nhượng, có chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính phục vụ cho công tác dự kiến tách thửa để thực hiện quyền theo đề nghị của người sử dụng đất Nguyễn Thị T3, thửa đất 580 tờ bản đồ địa chính số 07 lập ngày 27/8/2019 do Giám đốc VPĐKDĐ huyện Đồng H3 ký xác nhận (bút lục số 62).

Tại công văn số 2007/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 09/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T nêu quan điểm liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất 1213 tờ bản đồ số 7 cho ông Bùi Xuân T1: Về trình tự, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho cho ông Bùi Xuân T1 thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Về việc xác định ranh giới

thửa đất 1213 thuộc tờ bản đồ địa chính số 7 xã Hoá thượng được xác định theo ranh giới thửa đất số 580 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 23/8/2018 mang tên Nguyễn Thị T3, ranh giới thửa đất nêu trên khớp với bản đồ địa chính đo đạc năm 2000.

[3] Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất và quá trình xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy: Vị trí thửa đất của ông T1 ở trên đồi cao hơn so với vị trí đất của ông V. Về trích lục thửa đất 854 có trong hồ sơ cấp của ông V và hiện trạng sử dụng đất thì ông V không được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất giáp với đất của ông T1 (bút lục 79). Thực tế cho thấy đất của ông V giáp đất của ông Đ1 là thửa 1206, thửa đất số 1213 của ông T1 giáp thửa 1206 của gia đình ông Đ1. Mặt khác việc cấp đất cho ông V căn cứ theo bản đồ địa chính số 07, đối chiếu với bản trích đo hiện trạng sử dụng đất của ông V cho thấy nhà của ông V đã xây dựng lùi vào so với ranh giới bản đồ địa chính của thửa 854. Diện tích đất thực tế ông V đang sử dụng là 345,2m^2 còn diện tích đất ông V được cấp là 324,3m^2.

[4.] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu do các bên cung cấp có trong hồ sơ và căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ý kiến của cơ quan quản lý đất đai, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị K về việc buộc gia đình ông Bùi Xuân T1 phải tháo dỡ công trình kiến trúc, trả lại cho gia đình ông bà khoảng 20 m^2 đến 30 m^2 diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 854 tờ bản đồ số 7 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Về nội dung kháng cáo bổ sung của ông V tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ, yêu cầu UBND huyện Đ cung cấp hồ sơ cấp đất của gia đình ông V (thửa đất số 854 tờ bản đồ địa chính số 07) và hồ sơ cấp đất của gia đình ông T1 (thửa đất số 1213 tờ bản đồ địa chính số 07). UBND huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T đã có văn bản phúc đáp về trình tự, thẩm quyền cấp đất, căn cứ xác định ranh giới thửa đất của ông V và ông T1. Đây là vụ án dân sự tranh chấp QSD đất, ông V không khởi kiện huỷ giấy chứng nhận QSD đất của ông T1. Do đó, trong vụ án này UBND huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T không được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Yêu cầu kháng cáo của ông V đề nghị Huỷ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng không đưa UBND huyện Đ và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T vào tham gia tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

Việc đánh giá chứng cứ của Toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Tại phiên toà đã hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn V số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 10.000.000đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do ông V là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông V. Hoàn trả cho ông V 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn V. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005436 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- THADS Huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương